

Bản án số: 88/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 12 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Quảng
2. Bà Tô Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phí Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2025/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2025/QĐ-HNGĐ ngày 15/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 2002.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên, có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:* Chị T và anh K tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nay là xã L tỉnh Hưng Yên vào ngày 21 tháng 5 năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống tại xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình nay là xã L tỉnh Hưng Yên. Đến năm 2021, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân, không còn liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Thu N thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể hàn gắn được, chị T đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh K. Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Văn Bảo L sinh ngày 07/4/2020 đang ở cùng anh K và Nguyễn Văn Gia H sinh ngày 15/10/2021 đang ở cùng chị T. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, không vay nợ chung.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn K không đến Tòa án làm việc vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh K.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L và biên bản ghi lời khai của bà Phạm Thị S - là mẹ anh K) thể hiện: Anh K và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nay là xã L tỉnh Hưng Yên vào năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã T huyện K tỉnh Thái Bình nay là xã L tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống đến năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Gia đình anh K đã nhiều lần đến nhà chị T tìm gọi chị T về chung sống cùng anh K nhưng chị T không về. Vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày. Hiện tại cháu lớn đang ở cùng anh K, cháu thứ hai đang ở với chị T. Nay chị T xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật. Vợ chồng không vay nợ của các tổ chức, đoàn thể tại địa phương. Anh K vẫn đang cư trú tại đại phương và hàng tháng đang uống thuốc điều trị bệnh rối loạn cảm xúc, chưa được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Bà S không yêu cầu Tòa án tuyên bố anh K mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã cơ bản tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị T được ly hôn anh K.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Bảo L sinh ngày 07/4/2020 và Nguyễn Văn Gia H sinh ngày 15/10/2021. Ly hôn giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Anh K1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh K tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T nay là xã L tỉnh Hưng Yên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2021 đến nay. Tòa án đã triệu tập để hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng chị T vẫn kiên quyết ly hôn và anh K vắng mặt. Điều này chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh K là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Văn Bảo L sinh ngày 07/4/2020 và Nguyễn Văn Gia H sinh ngày 15/10/2021. Ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi 02 con. Qua xác minh tại địa phương thì hiện tại hàng tháng anh K đang phải uống thuốc điều trị bệnh rối loạn cảm xúc, không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị T: giao cháu L và cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đảm bảo cuộc sống tốt nhất

cho các con chung. Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, Tòa án chưa ghi được lời khai của anh K nên chưa có cơ sở xem xét, vì vậy Tòa án không giải quyết về quan hệ tài sản chung.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Văn Bảo L sinh ngày 07/4/2020 và Nguyễn Văn Gia H sinh ngày 15/10/2021. Ly hôn, giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Nguyễn Văn Bảo L và Nguyễn Văn Gia H. Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung. Chị T, anh K có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về quan hệ tài sản*: Không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001832 ngày 07/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Hưng Yên sang thi hành án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 - Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Lê Lợi (ĐKKH tháng 21/5/2020);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh X

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh X

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Q và bà Tô Thị H1

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 72/2025/TLST - HNGĐ ngày 07/10/2025 về: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 2002.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên, có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3.

2. *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Văn Bảo L sinh ngày 07/4/2020 đang ở cùng anh K và Nguyễn Văn Gia H sinh ngày 15/10/2021. Giao cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn Gia H. Giao cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn Bảo L. Chị T, anh K có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3.

3. *Về tài sản chung*: Không giải quyết.

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3.

4. *Về án phí*: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3

5. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật;

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Biên bản lập xong vào hồi 09 giờ 40 phút cùng ngày, các thành viên HĐXX đã đọc lại và nhất trí ký tên dưới đây

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Xuân

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà